

Bản án số: **120/2023/HNGĐ - ST**
Ngày: **26 - 12 - 2023**
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa
2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2023/QĐXX - ST ngày 16 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Võ Thị X, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng tới năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và về tình cảm nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà X để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông B và bà X có 02 người con chung là Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1990 và Nguyễn Thanh N, sinh năm 1996. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà X thống nhất với lời trình bày của bà Liễu về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do ông B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mặc dù bà X đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông B không thay đổi. Nay ông B làm đơn yêu cầu ly hôn thì bà X đồng ý.

Về con chung: Ông B và bà X có 02 người con chung là Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1990 và Nguyễn Thanh N, sinh năm 1996. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông B và bị đơn bà X đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn B; về con chung: Các con chung của ông B và bà X đã thành niên và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn ông B phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Võ Thị X. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị X đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, tuy nhiên đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 28/10/2003 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù

Đảng, tỉnh Bình Phước đã được ông B cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà X là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Quá trình giải quyết vụ án, ông B và bà X đều thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tình cảm. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông B là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà X cũng đồng ý ly hôn với ông B. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của ông B.

[4] Về con chung: Ông B và bà X có 02 người con chung là Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1990 và Nguyễn Thanh N, sinh năm 1996. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn ông Xuân phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc xin ly hôn. Ông B được ly hôn với bà Võ Thị X.

2. Về con chung: Các con chung đều đã thành niên nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001376 ngày 24/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Minh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào